TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/HSST
Ngày: 07/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Xuân Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lã Xuân Trường**

2. Ông **Nguyễn Sơn Lâm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Dương Hữu Hà -** Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Quang Hưng** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phùng Trung T**, sinh ngày: 13/6/1986; tại huyện M, tỉnh S.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh S; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Phùng Xuân G, sinh năm 1954 và bà Đào Thị T, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Viết Đ** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Phùng Trung T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 02/2017, Phùng Trung T sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo, tên tài khoản là "Đồ chơi trẻ em" truy cập vào phòng trò chuyện của người tỉnh S trên mạng Zalo. T làm quen với một người phụ nữ sử dụng tài khoản bằng

chữ Trung Quốc có ảnh đại diện là hình nhiều cọc tiền 500.000đ. Qua nói chuyện người này G thiệu tên là H, sinh năm 1994, nhà ở thành phố Lạng Sơn, T và H đã cho nhau số điện thoại để liên lạc. Qua nhiều lần nói chuyện, T cho H biết mình đang gặp khó khăn về kinh tế; H nói với T, H có mối mua tiền Việt Nam giả bên Trung Quốc, loại mệnh giá 200.000đ/tờ giống như tiền thật, được bán với tỉ giá 1:5 (tức 1.000.000đ tiền thật mua được 5.000.000đ tiền giả), nếu muốn mua H sẽ dẫn đi mua. Nghe vậy, T nảy sinh ý định đi mua tiền giả về để tiêu thụ, để bán cho những ai có nhu cầu và để đánh bạc. T nói với H có gì sẽ liên lạc sau.

Ngày 10/4/2017, T gọi điện cho H biết khoảng 03 ngày nữa sẽ lên Lạng Sơn mua tiền giả, T đang thu xếp tiền thật; H đồng ý và nói "Để em gọi điện thoại cho người bán tiền giả bên Trung Quốc". Khoảng 20 giờ ngày 12/4/2017, sau khi chuẩn bị được tiền, T điện thoại cho H biết mai sẽ lên Lạng Sơn nhờ H đưa đi mua tiền giả, T nói với H sẽ dùng 60.000.000đ tiền thật để mua tiền giả, H cho biết với số tiền đó sẽ mua được 300.000.000đ tiền giả. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T mang theo 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng) một mình ra đón xe khách từ bến xe huyện M, tỉnh S đi Hà Nội đến bến xe Mỹ Đình khoảng 06 giờ sáng ngày 13/4/2017 và bắt xe khách lên Lạng Sơn. Trên đường đi lên Lạng Sơn, T nhận được điện thoại của H hỏi đến đâu rồi và bảo T xuống xe ở ngã tư Phai Trần, H sẽ đón. Khoảng 10 giờ, T đến ngã tư Phai Trần, xuống xe và gọi điện cho H biết đã đến nơi. H nói đang ngồi trong xe taxi tại ngã tư. T đi về phía xe taxi thì thấy H đang ngồi trong xe, H bảo T lên xe. Trên xe H bảo lái xe taxi đưa hai người lên Cổng Trắng. Đến nơi H nói với T sẽ sang Trung Quốc theo đường mòn và dặn khi đi không được nói gì cả. T đồng ý và đi theo H sang Trung Quốc theo đường mòn cạnh cửa khẩu Cốc Nam.

Khi sang đến địa phận Trung Quốc, T đi theo H chui qua một đường hầm rồi cả hai vào một quán nước. Tại đây H gọi điện cho ai đó nói bằng tiếng Trung Quốc. Khoảng 10 phút sau có một người đàn ông đi xe máy màu đỏ, biển số Trung Quốc đến nói chuyện với H bằng tiếng Trung Quốc. Sau đó H bảo T cùng lên xe của người đàn ông này đi đến một nhà kho. Người này dừng xe và trao đổi với H bằng tiếng Trung Quốc. Sau khi trao đổi, H nói lại cho T biết hiện nay chỉ có khoảng 200.000.000đ tiền giả, mệnh giá 200.000đ/tờ, nếu muốn mua đủ 300.000.000đ thì phải lấy thêm loại 500.000đ/tờ, T nói cần phải xem trực tiếp đã rồi mới quyết định. Sau đó T và H được người đàn ông này đưa đến một căn nhà trọ. Tại đây H bảo T đưa 60.000.000đ tiền thật cho H để H đưa cho người đàn ông Trung Quốc kiểm đếm. Khi đếm xong người đàn ông này nói với H cứ để tiền thật lại, đến tối sẽ có người giao tiền giả cho. H nói lại cho T biết nhưng T không đồng ý. Người đàn ông đưa lại 60.000.000đ tiền thật cho H cầm rồi gọi điện cho ai đó; một lúc sau có thêm một người đàn ông Trung Quốc đến trao đổi với H. H nói lại cho T biết cần phải chờ để ông ta đi chợ Bằng Tường, Trung Quốc mua thêm tiền giả. T đồng ý. Sau đó T và H được người đàn ông thứ nhất đưa quay lại quán nước gần đường mòn về Việt Nam để chờ. Khoảng một tiếng

sau, người đàn ông Trung Quốc thứ nhất quay lại đón T và H đi đến một công trường vắng vẻ, cách quán nước khoảng 500m. Đến nơi đã thấy người đàn ông Trung Quốc thứ hai chờ sẵn ở đó; ông ta đưa cho T 02 túi nilon màu đen bên trong đựng tiền giả, H bảo T vào bụi cây đem tiền giả cất giấu vào trong người. T đi vào bụi cây gần đó mở túi nilon ra xem thấy có 17 thếp tiền Việt Nam giả, loại mệnh giá 200.000đ/tờ, sau đó T cất giấu toàn bộ số tiền giả vào trong túi áo và cạp quần T đang mặc. Cất giấu xong, T quay lại chỉ còn thấy H và người đàn ông Trung Quốc đầu tiên đang đứng đợi (Việc H trả 60.000.000đ tiền thật cho ai T không rõ). Tiếp đó T và H được người đàn ông Trung Quốc thứ nhất dùng xe máy chở đến biên giới. Xuống xe T và H đi về Việt Nam theo đường mòn. H đi trước, T đi sau cách nhau khoảng 10m. Khi T về đến khu vực đường mòn khe bà Lan (đường lên mốc 1107) thuộc khu Nam quan, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thì tổ kiểm soát cơ động Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị phối hợp với đội Đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm thuộc Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số tiền giả. Qua kiểm đếm có 1.700 (một nghìn bảy trăm) tờ, loại polyme, mệnh giá 200.000/tờ, tổng cộng 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) (BL: 82-116).

Tại bản Kết luận giám định số 116/GĐ-PC54 ngày 15/4/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ 1.700 (Một nghìn bảy trăm) tờ tiền Việt Nam, loại mệnh giá 200.000đ/tờ, tổng cộng 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) thu giữ của Phùng Trung T gửi giám định là tiền giả (BL:11).

Tại bản cáo trạng số 79/VKS-P3 ngày 08/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phùng Trung T về tội Vận chuyển tiền giả theo quy định tại khoản 3 Điều 180 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Trung T thừa nhận hành vi nêu trong cáo trạng là đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Bị cáo nhận tội, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với cộng đồng và xã hội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đề cập tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị công tố cho rằng: Bị cáo Phùng Trung T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông Phùng Xuân G được Bộ trưởng Bộ giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, Ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh S tặng nhiều bằng khen, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố bị cáo Phùng Trung T phạm tội Vận chuyển tiền giả.

Áp dụng khoản 3 Điều 180; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phùng Trung T từ 14 đến 15 năm tù giam;

Phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000đ để sung công qũy nhà nước.

Về vật chứng, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số tiền giả và những vật chứng đã cũ, không còn giá trị sử dụng. Tịch thu để sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội. Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Phùng Trung T và 01 điện thoại nhãn hiệu MICROSOFL màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Trung T đưa ra quan điểm sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, hành vi phạm tội chưa kịp gây hậu quả đã bị phát hiện bắt giữ, bị cáo có bố đẻ là ông Phùng Xuân G được Bộ trưởng Bộ giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, Ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh S tặng nhiều bằng khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn mức án mà vị công tố đề nghị, để bị cáo có cơ hội sớm trở về với cuộc sống cộng đồng, làm người công dân tốt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Phùng Trung T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13/4/2017, phù hợp với Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/4/2017, bị cáo Phùng Trung T đi xe khách từ huyện M, tỉnh S lên Lạng Sơn và được người phụ nữ tên là H dẫn sang Trung Quốc theo đường mòn để đi mua tiền giả. Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 13/4/2017, khi bị cáo vận chuyển tiền giả về đến đường mòn khe bà Lan (đường lên mốc 1107) thuộc khu Nam Quan, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng) tiền giả, loại polyme, mệnh giá 200.000đ/tờ. Do đó, xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Phùng Trung T về tội Vận chuyển tiền giả theo khoản 3 điều 180 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số lượng tiền giả bị cáo vận chuyển vào Việt Nam là đặc biệt lớn. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ quản lý về tiền tệ của Nhà nước, gây

hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được việc vận chuyển tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật. Bởi vậy đối với bị cáo Phùng Trung T cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo Phùng Trung T, ngoài đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, cần xét nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Ngoài tình tiết định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Phùng Xuân G được Bộ trưởng Bộ giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh S, Ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh S tặng nhiều bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội của nghị quyết số 41/2017/QH14 của quốc hội thì bị cáo được áp dụng theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Nhưng, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nên có căn cứ để chấp ý kiến của vị công tố và cần xử phạt bị cáo với mức án cao mà vị công tố đề nghị và như vậy không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của luật sư. Về hình phạt bổ sung, theo khoản 4 Điều 180 Bộ luật hình sự có quy định hình phạt bổ sung đối với tội này là phạt tiền. Tuy nhiên qua kết quả xác minh tài sản, xét thấy bị cáo không đủ điều kiện để đảm bảo thi hành án nên Tòa không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

- Số tiền Việt Nam giả còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành; 01 (một) áo khoác hiệu GUCCI màu xanh rêu đã cũ không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- 01 giấy chứng minh nhân dân của Phùng Trung T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu MICROSOFL màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

Trong vụ án trên còn có một số đối tượng khác, tuy nhiên do điều kiện lãnh thổ cũng như do Cơ quan điều tra không có đủ thông tin xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến những đối tượng đó trong bản án này.

Bị cáo Phùng Trung T bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Phùng Trung T** phạm tội "**Vận chuyển tiền giả**".

Áp dụng khoản 3 Điều 180; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phùng Trung T **15** (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/4/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

2.1.Tịch thu để tiêu hủy:

- 1.688 tờ tiền Việt Nam giả mệnh giá 200.000đ/tờ được đựng trong 01 (một) hộp cát tông được niêm phong dán kín bằng giấy trắng có kích thước 15,5cm x 22cm x 15,5cm trên các mặt niêm phong có chữ ký cùng tên của Từ Tuấn Anh, Phùng Trung T, Mã Văn Bắc, Nông Quang Phú, Hoàng Văn Dậu và 05 (năm) hình dấu tròn đỏ của Đồn biên phòng Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và xác nhận của Đồn trưởng Bùi Xuân Tài; 07 (bảy) dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- 01 (một) áo khoác hiệu GUCCI màu xanh rêu đã cũ.

2.2. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động NOKIA màu đen, có số IMEI: 351949/05/412512/8 có lắp 01 sim VIETEL đã bị cắt không có số sêri.

2.3 Trả lại cho bị cáo Phùng Trung T:

- 01 giấy chứng minh nhân dân số: 050543947 của Phùng Trung T do Công an tỉnh S cấp ngày 01/10/2007.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu MICROSOFL màu đen, có số IMEI: 353691078486296 có lắp 01 (một) sim đã bị cắt không có số sêri.

(Các vật chứng được ghi tại các biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2017 và biên bản sửa chữa, bổ sung ngày 22/8/2017 giữa Cơ quan điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Trung T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2017)./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP; KTNV & THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Sơn